

Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ

S, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Sầm Thị Tươi.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp:*** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

+ Anh Vàng A C, sinh ngày 03/7/1986

+ Chị Lý Thị T, sinh ngày 23/02/1981

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/7/2022 và quá trình Toà án giải quyết việc dân sự; người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Vàng A C, chị Lý Thị T cùng trình bày:

Anh Vàng A C và chị Lý Thị T đều là dân tộc Mông, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, nơi mà tình trạng tảo hôn còn diễn ra phổ biến vào những năm 2000. Năm 2004, cha mẹ đẻ của anh Vàng A C muốn anh C lấy vợ để có thêm con cháu về giúp gia đình làm ruộng nương nên cha mẹ của anh C đã tự đi tìm hỏi chị Lý Thị T cho anh C làm vợ, cha mẹ đẻ của anh C đã sắp đặt việc kết hôn của anh C và chị T; nghe theo lời cha mẹ ngày 03/6/2004 anh C và chị T đã đăng ký kết hôn với nhau

tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai để chuyển khẩu của chị Lý Thị T về xã H, huyện S sinh sống tại gia đình nhà chồng. Vì muốn anh C kết hôn được với chị T theo ý của mình nên trước khi anh C và chị T đến UBND xã đăng ký kết hôn với nhau, cha mẹ của anh C đã nói dối bảo anh chị kê khai đăng ký kết hôn ghi tên là Vàng Seo C, sinh ngày 03/7/1984 và Lý Thị T, sinh ngày 03/7/1981 để vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau, để con ra sẽ có cả con trai và con gái nên anh chị đã kê khai kết hôn với nhau như vậy theo ý của cha mẹ anh C. Sau khi kết hôn với nhau, anh chị chung sống hòa thuận với nhau đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Đến năm 2022, do muốn ly hôn với nhau nên anh chị đã đi tìm các giấy tờ cá nhân để làm thủ tục ly hôn thì tại giấy chứng nhận kết hôn của anh chị ghi bên chồng là Vàng Seo C, sinh ngày 03/7/1984 bên vợ là Lý Thị T, sinh ngày 03/7/1981. Thực tế anh C tên là Vàng A C, sinh ngày 03/7/1986 mới chính xác. Từ trước đến nay trong giấy tờ cá nhân của anh C trước khi đăng ký kết hôn gồm giấy khai sinh; bằng tốt nghiệp tiểu học và căn cước công dân hiện nay của anh C đều tên là Vàng A C, sinh ngày 03/7/1986. Chị Lý Thị T, sinh ngày 23/02/1981 theo giấy khai sinh của chị T mới chính xác. Như vậy khi anh chị đăng ký kết hôn với nhau thì anh chị đều thực hiện theo ý của cha mẹ anh C bảo, cha mẹ anh C bảo gì thì anh chị thực hiện như thế, cha mẹ anh C đã nói dối anh chị để anh chị kết hôn với nhau nên anh Vàng A C mới 18 tuổi đã kết hôn vi phạm về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2000; việc kết hôn của anh chị không phải do nam và nữ tự nguyện quyết định mà anh chị kết hôn theo ý của cha mẹ, bị cha mẹ nói dối vì bên chồng chưa đủ tuổi kết hôn để tự quyết định việc kết hôn mà đã kết hôn nên vi phạm khoản 2 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Khi đối chiếu Giấy chứng nhận kết hôn trên với giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp tiểu học thì thấy việc đăng ký kết hôn của anh chị vào ngày 03/6/2004 là kết hôn trái pháp luật. Vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi đối với bên Nam được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và vi phạm tính tự nguyện khi kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nay anh Vàng A C và chị Lý Thị T đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn được cấp ngày 03/6/2004 tại UBND xã P, huyện B.

Đến nay anh chị chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2011 đến nay nên khi Tòa án hủy hôn nhân thì anh chị cũng đề nghị Tòa án tuyên bố anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Vàng A C và chị Lý Thị T có hai người con chung là cháu Vàng Chính H, sinh ngày 03/9/2004 và cháu Vàng Thị L, sinh ngày 24/5/2006. Khi hủy kết hôn trái pháp luật và Tòa án tuyên bố anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng thì anh C và chị T thỏa thuận như sau: Anh Vàng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Vàng Chính H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

giáo dục cháu Vàng Thị L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản, quyền; nghĩa vụ tài sản: Anh Vàng A C và chị Lý Thị T đều không yêu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Anh Vàng A C và chị Lý Thị T kết hôn ngày 03/6/2004 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai theo ý của cha mẹ đẻ của anh C, cha mẹ đẻ của anh C đã sắp đặt việc kết hôn của anh C và chị T; bị cha mẹ đẻ của anh C nói dối nên anh chị đã kết hôn với nhau, cha mẹ đẻ của anh C cũng đã xác nhận nội dung này là hoàn toàn là đúng sự thật (Bút lục số 9); việc kết hôn của anh chị không phải do anh C và chị T tự nguyện quyết định và khi đó anh Vàng A C mới 18 tuổi. Việc kết hôn của anh chị đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1,2 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh Vàng A C và chị Lý Thị T có quyền yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh chị.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Vàng A C và chị Lý Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B là nơi cư trú của chị Lý Thị T khi đăng ký kết hôn, căn cứ vào nơi cư trú của anh chị thì Ủy ban nhân dân xã P, huyện B đăng ký kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về thẩm quyền đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng ký kết hôn như vậy việc đăng ký kết hôn đúng tại cơ quan có thẩm quyền.

Nay anh Vàng A C và chị Lý Thị T đều cư trú tại xã H, huyện S; anh chị cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh chị nên Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 3 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

1.3. Anh Vàng A C và chị Lý Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt những người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

Anh Vàng A C và chị Lý Thị T cho rằng khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 03/6/2004, thời điểm đăng ký kết hôn anh Vàng A C mới 18 tuổi, vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn đối với bên nam, được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000; anh chị kết hôn với nhau là theo ý của cha mẹ anh C, cha mẹ anh C đã tự ý sắp đặt hôn nhân của anh chị và đã nói dối để anh chị kết hôn với nhau mà không phải do anh chị tự nguyện quyết định nên đã vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2000. Nay anh chị yêu cầu Tòa án huỷ hôn nhân trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Xét thấy tại giấy khai sinh của anh Vàng A C đăng ký ngày 14/8/2007, bằng tốt nghiệp tiểu học của anh Vàng A C ngày 07/8/2000 và căn cước công dân của anh Vàng A C ngày 09/5/2021 thì ngày tháng năm sinh của anh Vàng A C, sinh ngày 03/7/1986. Như vậy, anh Vàng A C sinh ngày 03/7/1986 là có căn cứ. Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn của anh Vàng A C và chị Lý Thị T theo giấy đăng ký kết hôn số 03 ngày 03/6/2004 do Ủy ban nhân dân xã P cấp thì anh Vàng A C thời điểm đăng ký kết hôn mới 18 tuổi. Việc anh C và chị T kết hôn với nhau không phải do anh chị tự nguyện quyết định việc kết hôn mà anh chị kết hôn theo ý của cha mẹ đẻ của anh C, cha mẹ đẻ của anh C đã tự ý sắp đặt việc kết hôn của anh chị; trước khi anh C và chị T đến UBND xã đăng ký kết hôn với nhau, cha mẹ của anh C đã nói dối anh C và chị T, cha mẹ đẻ của anh C đã bảo anh chị kê khai đăng ký kết hôn ghi tên là Vàng Seo C, sinh ngày 03/7/1984 và Lý Thị T, sinh ngày 03/7/1981 để vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau, đẻ con sẽ có cả con trai và con gái; cha mẹ của anh C đã nói dối như vậy để anh chị kết hôn với nhau; nội dung này đã được cha mẹ đẻ của anh C xác nhận là hoàn toàn đúng (Bút lục số 9). Như vậy việc kết hôn của anh chị đã vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 1,2 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nay anh chị đều yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, xét thấy yêu cầu của anh chị là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Vàng A C và chị Lý Thị T.

[3] Về hậu quả của việc huỷ hôn nhân trái pháp luật: Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, anh chị đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, nay anh chị đều có yêu cầu khi việc kết hôn trái pháp luật bị huỷ đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng. Xét thấy yêu cầu của anh chị là phù hợp, căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi việc kết hôn trái pháp luật bị huỷ thì anh Vàng A C và chị Lý Thị T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Vàng A C và chị Lý Thị T có hai người con chung là cháu Vàng Chính H, sinh ngày 03/9/2004 và cháu Vàng Thị L, sinh ngày 24/5/2006. Khi huỷ kết hôn trái pháp luật và Tòa án tuyên bố anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng thì anh C và chị T thỏa thuận như sau: Anh Vàng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Vàng

Chính H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Vàng Thị L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Như vậy sự thoả thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu L (Bút lục 16, 17), không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, công nhận sự thoả thuận của anh chị về con là phù hợp với khoản 2 Điều 12; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Vàng A C và chị Lý Thị T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1,2 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 10, Điều 11 và khoản 1,2 Điều 12; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40; Điều 149; khoản 2 Điều 367; Điều 369; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vàng A C và chị Lý Thị T.

Tuyên bố: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng A C và chị Lý Thị T.

Hậu quả pháp lý của việc hủy hôn nhân trái pháp luật: Anh Vàng A C và chị Lý Thị T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Vàng A C và chị Lý Thị T như sau: Anh Vàng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Chính H, sinh ngày 03/9/2004 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Vàng Thị L, sinh ngày 24/5/2006 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh C, chị T không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Vàng A C và chị Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006932 ngày 27/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã P, huyện B;
- UBND xã H, huyện S ;
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

***(Đã ký)***

**Sầm Thị Tươi**